

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 27/2018/DSPT
Ngày 15/3/2018
V/v tranh chấp di sản thừa kế và yêu
cầu thực hiện nghĩa vụ tài sản do
người chết để lại

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Chế Linh

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Quyến

Bà Võ Phương Nhi

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thúy Quyên là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Phi - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 3 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 09/2018/TLPT-DS ngày 02 tháng 01 năm 2018 về tranh chấp di sản thừa kế yêu cầu thực hiện nghĩa vụ tài sản do người chết để lại.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 111/2017/DSST ngày 26 tháng 9 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện C bị kháng cáo, kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 95/2018/QĐPT-DS ngày 06 tháng 02 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Ong Thị H; cư trú tại xã T, huyện C, thành phố Cần Thơ.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Minh Đ; cư trú tại phường B, quận C, thành phố Cần Thơ là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 23/02/2016).

- Bị đơn: Ông Lê Văn M; cư trú tại xã T, huyện C, thành phố Cần Thơ.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông Trương Ngọc T; cư trú tại thôn Tân Tiên, xã Đắc Ru, huyện Đắc R'Lấp, tỉnh Đắc Nông là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 09/3/2018).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Lê Văn S; cư trú tại xã T, huyện C, thành phố Cần Thơ.

Người đại diện hợp pháp của ông Lê Văn S: Ông Trương Ngọc T; cư trú tại xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 09/3/2018).

2. Bà Lê Thị Bé H1; cư trú tại phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Ông Lê Văn N; cư trú tại xã T, huyện C, thành phố Cần Thơ.

Người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (ông Lê Văn N): Ông Nguyễn Minh Đ; cư trú tại phường B, quận C, thành phố Cần Thơ là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 23/02/2016).

4. Bà Ong Thị P; cư trú tại: xã L, huyện L, tỉnh Hậu Giang.

5. Bà Ong Thị Th; cư trú tại thị trấn A, huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

6. Ông Nguyễn Văn M1; cư trú tại xã T, huyện C, thành phố Cần Thơ.

7. Bà Nguyễn Thị T; cư trú tại xã T, huyện C, thành phố Cần Thơ.

8. Ngân hàng K.

Địa chỉ: phường V, thành phố R, tỉnh Kiên Giang.

Người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (Ngân hàng K): Ông Phạm Đăng V, giám đốc Ngân hàng hàng K - Chi nhánh quận T là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 10/3/2017).

- *Người kháng cáo: Ông Lê Văn S là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và tại phiên tòa, phía nguyên đơn trình bày:

Bà Ong Thị H là vợ hợp pháp của ông Lê Văn M2 theo giấy chứng nhận kết hôn số 12 ngày 19/9/2002 do Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, thành phố Cần Thơ cấp. Vào ngày 16/11/2014 ông Lê Văn M2 chết do bị bệnh, ông M2 chết không để lại di chúc.

Hàng thừa kế thứ nhất của ông Lê Văn M2 gồm có:

1. Ông Lê Văn S là cha ruột của cha ông Lê Văn M2.

2. Bà Ong Thị H là vợ của ông Lê Văn M2.

3. Bà Lê Thị Bé H1 là con ruột của ông Lê Văn M2.

4. Ông Lê Văn M là con ruột của ông Lê Văn M2.

5. Ông Lê Văn N là con ruột của ông Lê Văn M2 và bà Ong Thị H.

Khi còn sống ông Lê Văn M2 có tạo lập được tài sản là quyền sử dụng đất thuộc thửa 595, tờ bản đồ số 6A, loại đất trồng lúa, tọa lạc tại xã T, huyện C, thành phố Cần Thơ, qua đo đạc diện tích thực tế là 4.762m².

- Về nợ khi còn sống ông Lê Văn M2 và bà Ong Thị H có nợ:

1. Nợ Ngân hàng K 150.000.000 đồng nợ gốc.
2. Nợ ông Nguyễn Văn M1, bà Nguyễn Thị T 25 chỉ vàng 24K tiền cổ đất.
3. Nợ bà Ong Thị P 45.000.000 đồng.
4. Nợ bà Ong Thị Th 30 chỉ vàng 24K.

Nay, bà Ong Thị H yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật đối với di sản của ông Lê Văn M2 chết không để lại di chúc là quyền sử dụng đất thửa 595, tờ bản đồ số 6A, loại đất trồng lúa, tọa lạc tại xã T, huyện C, thành phố Cần Thơ, qua đo đạc diện tích thực tế là 4.762m² cho hàng thừa kế thứ nhất của ông Lê Văn M2 theo kỹ phần bằng nhau và yêu cầu các thừa kế của ông M2 trả nợ của ông M2 khi còn sống tương ứng theo kỹ phần được hưởng. Hiện tài sản này đang được thế chấp cho Ngân hàng K nên yêu cầu chia giá trị theo kết quả định giá tài sản ngày 23/6/2016.

Trong bản tự khai và tại phiên tòa, phía bị đơn trình bày:

Thống nhất di sản thừa kế của ông Lê Văn M2 để lại là quyền sử dụng đất thửa 595, loại đất trồng lúa, tọa lạc tại xã T, huyện C, thành phố Cần Thơ. Thống nhất hàng thừa kế của ông Lê Văn M2 gồm có: ông Lê Văn S (cha ông M2), bà Ong Thị H, bà Lê Thị Bé H1, ông Lê Văn M, ông Lê Văn N. Nay bà H yêu cầu chia thừa kế ông đồng ý chia cho ông Lê Văn S, chia cho Lê Thị Bé H1, chia cho Lê Văn N và ông mỗi người một kỹ phần bằng nhau ông không đồng ý chia cho bà Ong Thị H vì đây là tài sản do cha ông và mẹ ông là bà Trương Thị Mần tạo lập trước đây. Đối với số nợ Ngân hàng và nợ ông M1 thì ông thống nhất đồng ý cùng các thừa kế của ông M2 trả 02 khoản nợ này. Riêng 02 khoản nợ của bà Ong Thị P 45.000.000 đồng và bà Ong Thị Th 30 chỉ vàng 24K ông không đồng ý trả, vì khi cha còn sống không nghe cha nói về khoản nợ này.

Trong bản tự khai và tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Lê Văn S trình bày:

Trước đây khi con ông là Lê Văn M2 lấy vợ là Trương Thị Mần ông có cho 02 công đất ruộng. Nay, con ông mất nên ông yêu cầu được lấy lại phần đất đã cho. Đề nghị được hưởng thừa kế của con theo quy định của pháp luật.

Trong bản tự khai và tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Lê Thị Bé H1 trình bày:

Bà là con của bà Trương Thị Mần và ông Lê Văn M2, mẹ bà chết vào năm 1994 đến năm 1995 thì cha bà cưới vợ là bà Ong Thị H. Tài sản của cha bà để lại là quyền sử dụng đất thửa 595 và căn nhà mái lợp tole và vách tole tọa lạc tại xã T, huyện C, thành phố Cần Thơ là do cha và mẹ bà là bà Trương Thị Mần tạo lập. Việc bà Ong Thị H yêu cầu chia thừa kế đối với tài sản này bà không đồng ý, tài sản trên bà đồng ý chia đều cho ông Lê Văn S, ông Lê Văn M, ông Lê Văn N và Lê Thị Bé H1 không đồng ý chia cho bà H. Đối với các khoản nợ mà bà H khai khi cha bà còn sống gồm: nợ Ngân hàng Kiên Long, nợ tiền cổ đất

của ông M1, bà T, nợ bà Ong Thị P, nợ bà Ong Thị Th bà không đồng ý vì khi cha còn sống không nói có nợ những người này. Đề nghị bà Ong Thị H tự trả các khoản nợ trên.

Trong bản tự khai và tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Lê Văn N có đại diện theo uỷ quyền ông Nguyễn Minh Đ trình bày: Đề nghị chia thừa kế di sản của ông Lê Văn M2 thành 5 kỷ phần bằng nhau và đồng ý trả các khoản nợ khi cha còn sống đã vay tương ứng với kỷ phần được nhận.

Trong bản tự khai và tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Ong Thị P trình bày: Vào ngày 02/9/2011 ông Lê Văn M2 và bà Ong Thị H mượn bà số tiền 45.000.000 đồng để sửa nhà và điều trị bệnh, chi tiêu trong nhà. Hiện số nợ này ông M2, bà H chưa trả cho bà nay ông M2 chết nên yêu cầu các thừa kế của ông M2 có nghĩa vụ trả nợ cho bà số tiền 45.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

Trong bản tự khai và tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Ong Thị Th trình bày: Vào ngày 16/10/2014 ông Lê Văn M2 có hỏi mượn bà 30 chỉ vàng 24K để trả tiền cổ đất cho ông Nguyễn Văn M1 là 25 chỉ vàng 24K, còn 05 chỉ ông M2 sử dụng chi tiêu trong gia đình. Vào lúc mượn vàng của bà ông M2 sức khoẻ yếu nên không tự tay viết biên nhận mà nhờ ông Nguyễn Văn M1 viết thay và ông M2 có ký vào biên nhận nợ này. Nay ông M2 chết đề nghị các thừa kế của ông M2 có trách nhiệm trả lại cho bà số vàng này.

Trong bản tự khai và tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Văn M1, bà Nguyễn Thị T trình bày: Vào ngày 01/9/2008 ông và con gái là Nguyễn Thị T có nhận cổ đất của ông Lê Văn M2, bà Ong Thị H với số vàng là 50 chỉ vàng 24K, diện tích đất là khoảng 5 công đất ruộng, thời hạn cổ đất là 5 năm, nếu đến hạn mà ông M2, bà H không chuộc lại đất thì ông tiếp tục canh tác cho đến khi nào ông M2, bà H trả đủ vàng cho ông thì ông trả lại đất. sau đó ngày 05/10/2014 ông M2 có trả ông được 25 chỉ vàng 24K, hiện ông Lê Văn M2 còn nợ ông số vàng là 25 chỉ vàng 24K. Nay ông M2 chết nên yêu cầu các đồng thừa kế của ông M2 phải có nghĩa vụ trả cho ông và con gái số nợ còn lại 25 chỉ vàng 24K.

Trong bản tự khai và tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Ngân hàng K có đại diện uỷ quyền ông Phạm Đăng Vân trình bày: Ngân hàng K có cho vợ chồng ông Lê Văn M2, bà Ong Thị H vay số tiền 150.000.000 đồng theo hợp đồng tín dụng số HD2823/HĐTD ngày 11/6/2014 và ông M2, bà H có thể chấp cho Ngân hàng quyền sử dụng đất thừa 595, loại đất trồng lúa, tọa lạc tại xã T, huyện C, thành phố Cần Thơ, theo hợp đồng thế chấp tài sản số HD2823/HĐTC ngày 11/6/2014. Quá trình vay ông M2 và bà H chưa trả được nợ cho Ngân hàng. Nay ông Lê Văn M2 chết Ngân hàng yêu cầu các đồng thừa kế của ông Lê Văn M2 gồm ông Lê Văn S, ông Lê Văn M, Lê Thị Bé H1, Lê Văn N, bà Ong Thị H phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng tổng số tiền 251.397.884 đồng, trong đó nợ gốc 150.000.000 đồng, lãi 101.397.884 đồng (lãi quá hạn 68.882.259 đồng, lãi trong hạn 32.515.625 đồng) lãi tính đến ngày 26/9/2017, nếu không thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng yêu cầu bán tài

sản thế chấp để thu hồi nợ. Liên quan đến tài sản thế chấp tại Ngân hàng hiện các thừa kế của ông M2 yêu cầu chia đề nghị Toà án đảm bảo quyền quản lý tài sản này cho Ngân hàng trong quá trình thi hành án.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 111/2017/DSST ngày 26/9/2017, Tòa án nhân dân huyện C đã tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Ong Thị H về việc yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật đối với ông Lê Văn M.

2. Chấp nhận yêu cầu độc lập của Ngân hàng K về việc yêu cầu các thừa kế theo pháp luật của ông Lê Văn M2 phải trả cho Ngân hàng số tiền nợ gốc và lãi suất theo hợp đồng tín dụng tổng số tiền 251.397.884 đồng. Giao quyền quản lý cho Ngân hàng đối với thửa đất 595, tờ bản đồ số 6A, tọa lạc tại xã T, huyện C, thành phố Cần Thơ hiện đang thế chấp cho Ngân hàng để đảm bảo thi hành án.

3. Chấp nhận yêu cầu độc lập của ông Nguyễn Văn M1, bà Nguyễn Thị T về việc yêu cầu các thừa kế theo pháp luật của ông Lê Văn M2 phải liên đới trả số vàng 25 chỉ vàng 24K loại 98%. Huỷ giao dịch cổ đất giữa ông Nguyễn Văn M1, bà Nguyễn Thị T với ông Lê Văn M2 và bà Ong Thị H.

4. Chấp nhận yêu cầu độc lập của bà Ong Thị P về việc yêu cầu các thừa kế theo pháp luật của ông Lê Văn M2 phải liên đới trả số tiền 45.000.000 đồng.

5. Đình chỉ yêu cầu độc lập của bà Ong Thị Th về việc yêu cầu các thừa kế của ông Lê Văn M2 phải trả 30 chỉ vàng 24K, loại 98%.

6. Xác định hàng thừa kế của ông Lê Văn M2 gồm có: Bà Ong Thị H, ông Lê Văn S, ông Lê Văn M, bà Lê Thị Bé H1, ông Lê Văn N.

7. Xác định di sản của ông Lê Văn M2 để lại gồm có: Diện tích đất 4.762 m², loại đất lúa, thửa 595 tờ bản đồ số 6A, tọa lạc tại xã T, huyện C, thành phố Cần Thơ có giá trị là 330.000 đồng/m² x 4.762m² = 1.571.460.000 đồng. Căn nhà cột gỗ, mái tole, vách tole diện tích 143m² trên thửa đất 595 cùng các cây trồng trên đất.

8. Xác định nợ của ông Lê Văn M2 khi còn sống:

- Nợ Ngân hàng K 251.397.884 đồng.
- Nợ ông Nguyễn Văn M1, bà Nguyễn Thị T 25 chỉ vàng 24K.
- Nợ bà Ong Thị P 45.000.000 đồng.

9. Chia thừa kế như sau:

- Chia cho bà Ong Thị H 314.292.000 đồng.
- Chia cho ông Lê Văn S 314.292.000 đồng.
- Chia cho bà Lê Thị Bé H1 314.292.000 đồng.
- Chia cho ông Lê Văn M 314.292.000 đồng.
- Chia cho ông Lê Văn N 314.292.000 đồng.

- Giao cho ông Lê Văn M quyền quản lý căn nhà và các cây trồng trên đất là di sản thờ cúng ông Lê Văn M2.

10. Buộc các thừa kế của ông Lê Văn M2 thực hiện nghĩa vụ trả nợ như sau:

- Buộc bà Ong Thị H trả nợ cho Ngân hàng Kiên Long số tiền 50.279.576 đồng, trả cho ông Nguyễn Văn M1 5 chỉ vàng 24K, loại 98%, trả cho bà Ong Thị P 9.000.000 đồng.

- Buộc ông Lê Văn S trả nợ cho Ngân hàng Kiên Long số tiền 50.279.576 đồng, trả cho ông Nguyễn Văn M1 5 chỉ vàng 24K, loại 98%, trả cho bà Ong Thị P 9.000.000 đồng.

- Buộc bà Lê Thị Bé H1 trả nợ cho Ngân hàng Kiên Long số tiền 50.279.576 đồng, trả cho ông Nguyễn Văn M1 5 chỉ vàng 24K, loại 98%, trả cho bà Ong Thị P 9.000.000 đồng.

- Buộc ông Lê Văn M trả nợ cho Ngân hàng Kiên Long số tiền 50.279.576 đồng, trả cho ông Nguyễn Văn M1 5 chỉ vàng 24K, loại 98%, trả cho bà Ong Thị P 9.000.000 đồng.

- Buộc ông Lê Văn N trả nợ cho Ngân hàng Kiên Long số tiền 50.279.576 đồng, trả cho ông Nguyễn Văn M1 5 chỉ vàng 24K, loại 98%, trả cho bà Ong Thị P 9.000.000 đồng.

11. Các thừa kế theo pháp luật của ông M2 phải tiếp tục chịu lãi suất theo hợp đồng tín dụng mà ông M2, bà H đã ký với Ngân hàng Kiên Long từ ngày 27/9/2017 cho đến khi thanh toán dứt số nợ cho Ngân hàng.

12. Trường hợp các thừa kế của ông Lê Văn M2 không thực hiện nghĩa vụ trả số nợ trên cho Ngân hàng Kiên Long, thì Ngân hàng được quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án bán tài sản thế chấp để thu hồi nợ. Tài sản bán được sẽ ưu tiên thanh toán chi phí thi hành án, thực hiện các nghĩa vụ với nhà nước (nếu có), thanh toán nợ có bảo đảm (Ngân hàng Kiên Long), nợ không có bảo đảm (ông M1, bà P). Nếu còn dư thì chia đều cho các thừa kế với mỗi suất thừa kế được hưởng tương đương là 1/5 giá trị tài sản còn lại.

13. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thanh toán xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất 10% tương ứng với thời gian chưa thi hành án (đối với số tiền 9.000.000 đồng các đồng thừa kế của ông M2 phải trả cho bà P).

14. Về án phí, lệ phí:

- Án phí chia thừa kế: Bà Ong Thị H phải nộp số tiền 15.714.600 đồng được khấu trừ tạm ứng án phí đã nộp 3.272.000 đồng theo biên lai thu số 008223 ngày 16/3/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, thành phố Cần Thơ, bà H phải nộp thêm số tiền 12.442.600 đồng; ông Lê Văn S phải nộp số tiền 15.714.600 đồng; bà Lê Thị Bé H1 phải nộp số tiền 15.714.600 đồng; ông

Lê Văn M phải nộp số tiền 15.714.600 đồng; ông Lê Văn N phải nộp số tiền 15.714.600 đồng.

- Án phí dân sự: Bà Ong Thị H phải nộp số tiền 1.325.000 đồng; ông Lê Văn S phải nộp số tiền 1.325.000 đồng; bà Lê Thị Bé H1 phải nộp số tiền 1.325.000 đồng; ông Lê Văn M phải nộp số tiền 1.325.000 đồng; ông Lê Văn N phải nộp số tiền 1.325.000 đồng (án phí trên số vàng, tiền tương ứng phải trả cho ông M1, bà T, bà P).

- Án phí kinh doanh thương mại: Bà Ong Thị H phải nộp số tiền 2.513.000 đồng; ông Lê Văn S phải nộp số tiền 2.513.000 đồng; bà Lê Thị Bé H1 phải nộp số tiền 2.513.000 đồng; ông Lê Văn M phải nộp số tiền 2.513.000 đồng; ông Lê Văn N phải nộp số tiền 2.513.000 đồng.

- Lệ phí: Chi phí thẩm định, đo đạc và định giá tài sản các thừa kế của ông Lê Văn M2 phải nộp số tiền 3.000.000 đồng. Công nhận bà Ong Thị H tự nguyện chịu số tiền này, bà H đã nộp và chi xong.

Hoàn trả án phí cho các đương sự:

- Bà Ong Thị Th được nhận lại tạm ứng án phí số tiền 2.275.000 đồng, theo biên lai thu số 000184 ngày 07/3/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, thành phố Cần Thơ.

- Bà Ong Thị P được nhận lại tạm ứng án phí số tiền 2.275.000 đồng theo biên lai thu số 000185 ngày 07/3/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, thành phố Cần Thơ.

- Ông Nguyễn Văn M1, bà Nguyễn Thị T được nhận lại tạm ứng án phí số tiền 1.150.000 đồng theo biên lai thu số 000201 ngày 13/3/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, thành phố Cần Thơ.

- Ngân hàng K được nhận lại tạm ứng án phí số tiền 5.750.000 đồng theo biên lai thu số 000279 ngày 10/5/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, thành phố Cần Thơ.

Bản án sơ thẩm còn tuyên quyền kháng cáo của các bên theo luật định.

Tại đơn kháng cáo đề ngày 17/10/2017, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là ông Lê Văn S cho rằng, quyền sử dụng đất tại thửa 595 và căn nhà tôn tại xã T, huyện C, thành phố Cần Thơ là tài sản của ông S cho riêng ông Lê Văn M2 và bà Trương Thị Mần khi còn sống. Sau khi bà Mần chết thì bà Ong Thị H mới về sống chung với ông Lê Văn M2. Trong thời gian bà H và ông M2 chung sống có vay mượn tiền của ông Nguyễn Văn M1, bà Nguyễn Thị T, Ong Thị P hay không thì ông không được biết nên không đồng ý trả chung cho hai người. Do vậy, ông Lê Văn S yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xét xử lại vụ án.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người kháng cáo cho rằng di sản thừa kế là tài sản riêng của ông Lê Văn M2 nên không đồng ý chia cho nguyên đơn. Khoản nợ của bà Ong Thị P không có chứng cứ nên không chấp nhận. Việc Tòa án thụ lý vụ án liên quan quyền sử dụng đất mà chưa được hòa giải ở cấp xã là không đúng pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ cho rằng, người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã tuân thủ đúng quy định pháp luật tố tụng. Về nội dung vụ án, quan điểm của người kháng cáo cho rằng tài sản là của ông Lê Văn S và không đồng ý chia cho nguyên đơn là không có cơ sở pháp lý và không có chứng cứ chứng minh. Bản án sơ thẩm đã giải quyết đúng về nội dung tranh chấp nhưng có sai sót trong việc tuyên lãi suất, án phí và cách tuyên án nên đề nghị Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Theo đơn khởi kiện, đơn yêu cầu độc lập và các chứng cứ đã thẩm tra cho thấy các bên có tranh chấp về di sản thừa kế và yêu cầu thực hiện nghĩa vụ tài sản do người chết để lại. Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định đúng quan hệ tranh chấp và giải quyết đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 5 Điều 26 và điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Ông Lê Văn M2 và bà Ong Thị H là vợ chồng hợp pháp từ ngày 19/9/2002 thể hiện tại giấy chứng nhận kết hôn số 12 quyền số 01 do Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Cần Thơ (cũ) cấp. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do ông Lê Văn M2 đứng tên do Ủy ban nhân dân huyện C cấp vào ngày 22/11/2010 nên được quyền sử dụng đất này là tài sản của ông M2. Ông Lê Văn S cho rằng đây là phần đất mà ông S đã tặng cho riêng ông Lê Văn M2 nên có yêu cầu đòi lại. Tuy nhiên, ông S không có chứng cứ chứng minh nên yêu cầu kháng cáo này là không có cơ sở. Tòa án cấp sơ thẩm xác định quyền sử dụng đất và tài sản trên đất là di sản thừa kế của ông M2 là đúng pháp luật.

[3] Ông Lê Văn M2 chết ngày 16/11/2014, có giấy chứng tử kèm theo. Ông M2 không để lại di chúc nên di sản được chia theo pháp luật là đúng quy định tại khoản 1 Điều 675 Bộ luật dân sự năm 2005. Trong trường hợp này, ông M2 chết vừa có tài sản để lại, đồng thời có các khoản nợ. Trên cơ sở quy định tại Điều 637 Bộ luật dân sự năm 2005, những người hưởng di sản thừa kế của ông M2 thì đồng thời cũng phải có nghĩa vụ trả các khoản nợ của người chết để lại trong phạm vi phạm vi di sản được hưởng. Thấy rằng, di sản để lại được định giá là 1.571.460.000 đồng, tổng các khoản nợ đến thời điểm xét xử sơ thẩm là 383.897.884 đồng. Như vậy, di sản thừa kế lớn hơn nghĩa vụ tài sản của người chết để lại nên những người thừa kế phải có trách nhiệm thanh toán các khoản nợ nếu các khoản nợ là có căn cứ.

[4] Đối với khoản nợ mà ông M2 cùng vợ đã vay Ngân hàng K, các đương sự đã thừa nhận và có các chứng cứ không phải chứng minh theo Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Do đó, những người thừa kế có nghĩa vụ trả theo án sơ thẩm đã tuyên là đúng pháp luật. Đối với yêu cầu độc lập của bà Ong Thị P, ông Nguyễn Văn M1 và bà Nguyễn Thị T, các đương sự này cũng đã xuất trình các tài liệu là biên nhận và hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất. Các tài liệu này đều có chữ ký và ghi tên Lê Văn M2. Trong quá trình xét xử sơ thẩm, ông Lê Văn S không có phản kháng gì về chữ ký và ghi tên ông M2 trong biên nhận cũng như trong hợp đồng thế chấp. Do vậy, Tòa án cấp sơ thẩm xác định

có các giao dịch dân sự này của ông M2 còn sống là đúng pháp luật. Việc ông S với tư cách là người thừa kế được hưởng di sản thừa kế của ông M2 thì cũng phải có nghĩa vụ thanh toán các khoản nợ do ông M2 để lại là phù hợp với quy định tại Điều 637 Bộ luật dân sự năm 2005 như đã phân tích trên. Vì lẽ đó, việc ông S kháng cáo cho rằng không có trách nhiệm thanh toán nợ như đơn kháng cáo là không thỏa đáng.

[5] Đường lối giải quyết vụ án của Tòa án cấp sơ thẩm là đúng nhưng việc tuyên án và nhận định cụ thể cần được điều chỉnh lại một số vấn đề nhằm làm chặt chẽ lập luận và thi hành án được khả thi. Theo đơn khởi kiện thì bà H chỉ yêu cầu chia toàn bộ tài sản là giá trị quyền sử dụng đất đều cho các thừa kế mà không yêu cầu chia phần di sản của ông M2 (1/2 giá trị quyền sử dụng đất và tài sản trên đất). Vậy, việc xác định toàn bộ quyền sử dụng đất và tài sản trên đất là di sản do ông M2 để lại cũng phù hợp với quan điểm của người kháng cáo tại phiên tòa phúc thẩm vì người kháng cáo cho rằng đây là tài sản riêng của ông M2. Riêng quan điểm của người kháng cáo cho rằng vụ kiện cần được hòa giải ở cấp xã là không chính xác vì đây là tranh chấp thừa kế quyền sử dụng đất, có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên không nhất thiết phải hòa giải cơ sở. Luật hòa giải cơ sở khuyến khích chứ không bắt buộc trong trường hợp này.

[6] Thấy rằng, việc Tòa án sơ thẩm đã tuyên tại mục số 9 của phần quyết định chia cho các đồng thừa kế số tiền cụ thể là 314.292.000 đồng là chưa chính xác vì nghĩa vụ trả vốn và lãi cho Ngân hàng K, nghĩa vụ trả nợ cho ông M1, bà T và bà P và các nghĩa vụ trả nợ của các đồng thừa kế này chỉ giới hạn trong phần phần di sản được hưởng. Đến khi thực hiện nghĩa vụ trả nợ hoặc phải qua thủ tục thi hành án thì khoản tiền này chia cho đương sự sẽ không còn đúng. Việc ước tính đó chỉ có ý nghĩa cho việc tính án phí. Mặt khác, khi thi hành án nếu phải phát mãi tài sản thì giá trị của quyền sử dụng đất và tài sản trên đất sẽ không còn như tại thời điểm Tòa án định giá. Do vậy, Tòa án cần xác định tỷ lệ được hưởng của các đồng thừa kế sau khi khấu trừ như mục 12 là hợp lý. Bên cạnh đó, việc Tòa án tuyên giao quyền sử dụng đất cho Ngân hàng K quản lý là không đúng trong thỏa thuận trong hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và vượt quá yêu cầu độc lập của Ngân hàng K. Phía ngân hàng có quyền yêu cầu phát mãi tài sản theo luật định nhưng phần quản lý và hưởng hoa lợi trên đất cần tôn trọng sự thỏa thuận của các bên trong hợp đồng đã ký kết. Mặt khác, việc án sơ thẩm giao quyền sử dụng đất cho phía ngân hàng quản lý đồng thời giao nhà, cây cối cho ông M sẽ dẫn đến khó khăn trong việc thi hành án. Do vậy, Tòa án cần điều chỉnh lại cách tuyên án của cấp sơ thẩm để đảm bảo việc thi hành bản án về mặt thực tế.

[7] Về án phí dân sự phúc thẩm, do yêu cầu kháng cáo của ông Lê Văn S không được chấp nhận nên ông S phải chịu theo quy định tại khoản 1 Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[8] Về án phí dân sự sơ thẩm, Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ vào kết quả định giá tài sản là 1.571.460.000 đồng và chia thành năm phần, mỗi phần 314.292.000 đồng để làm căn cứ tính án phí đối với phần thừa kế là chưa chính

xác. Vì tổng giá trị di sản thừa kế (1.571.460.000 đồng) cần phải trừ đi các khoản nợ của những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan. Giá trị còn lại này mới chia cho các đồng thừa kế và tính án phí. Sau đó, các bên còn chịu các khoản án phí tương ứng với các yêu cầu độc lập của những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan mới đúng quy định tại khoản 6 và khoản 7 Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH12 ngày 27/02/2009 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Tổng giá trị các khoản nợ đến ngày xét xử sơ thẩm là: $251.397.884 + 25 \times 3.500.000 + 45.000.000 = 383.897.884$ (đồng). Giá trị mỗi đồng thừa kế được hưởng làm căn cứ tính án phí là $(1.571.460.000 - 383.897.884) : 5 = 237.512.423$ (đồng). Án phí đối với yêu cầu về thừa kế tương ứng của mỗi đồng thừa kế là: 11.875.500 đồng (1). Án phí đối với các khoản nợ không có bảo đảm tương ứng mỗi đồng thừa kế là: 1.325.000 đồng (2). Án phí đối với khoản nợ có bảo đảm tương ứng mỗi đồng thừa kế là: 2.513.900 đồng (3). Tổng số tiền án phí mỗi đồng thừa kế phải chịu là $(1) + (2) + (3) = 15.714.400$ đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 5 Điều 26 và điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 148, khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 474, Điều 476; Điều 637, khoản 1 Điều 675 Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng; Khoản 6 và khoản 7 Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH12 ngày 27/02/2009 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận đơn kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Lê Văn S, sửa bản án bản án sơ thẩm về án phí, lãi suất.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Ong Thị H về việc yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật đối với ông Lê Văn M; Chấp nhận yêu cầu độc lập của Ngân hàng K về việc yêu cầu các thừa kế theo pháp luật của ông Lê Văn M2 phải trả cho Ngân hàng số tiền nợ gốc và lãi suất theo hợp đồng tín dụng tổng số tiền 251.397.884 đồng; Chấp nhận yêu cầu độc lập của ông Nguyễn Văn M1, bà Nguyễn Thị T về việc yêu cầu các thừa kế theo pháp luật của ông Lê Văn M2 phải liên đới trả số vàng 25 chỉ vàng 24K loại 98%.

* Xác định hàng thừa kế của ông Lê Văn M2 gồm có: Bà Ong Thị H, ông Lê Văn S, ông Lê Văn M, bà Lê Thị Bé H1, ông Lê Văn N.

* Xác định di sản của ông Lê Văn M2 để lại gồm có: Quyền sử dụng đất 4.762 m², loại đất lúa, thửa 595 tờ bản đồ số 6A, tọa lạc tại xã T, huyện C, thành phố Cần Thơ có giá trị 1.571.460.000 đồng. Căn nhà cột gỗ, mái tole, vách tole diện tích 143m² trên thửa đất 595 cùng các cây trồng trên đất.

* Xác định nợ của ông Lê Văn M2 khi còn sống:

- Nợ Ngân hàng K 251.397.884 đồng
- Nợ ông Nguyễn Văn M1 và bà Nguyễn Thị T 25 chỉ vàng 24K.

- Nợ bà Ong Thị P 45.000.000 đồng.

*Phân chia di sản:

- Buộc bà Ong Thị H trả nợ cho Ngân hàng Kiên Long số tiền 50.279.576 đồng, trả cho ông Nguyễn Văn M1 và bà Nguyễn Thị T 5 chỉ vàng 24K, loại 98%, trả cho bà Ong Thị P 9.000.000 đồng.

- Buộc ông Lê Văn S trả nợ cho Ngân hàng Kiên Long số tiền 50.279.576 đồng, trả cho ông Nguyễn Văn M1 và bà Nguyễn Thị T 5 chỉ vàng 24K, loại 98%, trả cho bà Ong Thị P 9.000.000 đồng.

- Buộc bà Lê Thị Bé H1 trả nợ cho Ngân hàng Kiên Long số tiền 50.279.576 đồng, trả cho ông Nguyễn Văn M1 và bà Nguyễn Thị T 5 chỉ vàng 24K, loại 98%, trả cho bà Ong Thị P 9.000.000 đồng.

- Buộc ông Lê Văn M trả nợ cho Ngân hàng Kiên Long số tiền 50.279.576 đồng, trả cho ông Nguyễn Văn M1 và bà Nguyễn Thị T 5 chỉ vàng 24K, loại 98%, trả cho bà Ong Thị P 9.000.000 đồng.

- Buộc ông Lê văn N trả nợ cho Ngân hàng Kiên Long số tiền 50.279.576 đồng, trả cho ông Nguyễn Văn M1 và bà Nguyễn Thị T 5 chỉ vàng 24K, loại 98%, trả cho bà Ong Thị P 9.000.000 đồng.

Đối với khoản nợ phải trả cho bà P, ông M1, bà T thì những người thừa kế còn phải chịu thêm khoản tiền lãi phát sinh theo quy định của pháp luật tương ứng với thời gian và số tiền chậm trả kể từ ngày ông M1, bà T, bà P có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi trả nợ xong.

Đối với khoản nợ phải trả cho Ngân hàng K thì những người thừa kế còn phải chịu tiền lãi tương ứng theo hợp đồng tín dụng mà ông M2, bà H đã ký kết kể từ ngày 27/9/2017 cho đến khi thanh toán xong nợ.

Trường hợp các thừa kế của ông Lê Văn M2 không thực hiện nghĩa vụ trả số nợ trên cho Ngân hàng K, thì Ngân hàng K được quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ. Thứ tự ưu tiên thanh toán được thực hiện theo pháp luật thi hành án dân sự. Phần giá trị còn dư sau khi thi hành các khoản nợ nêu trên sẽ chia đều cho các thừa kế gồm: Bà Ong Thị H, ông Lê Văn S, ông Lê Văn M, bà Lê Thị Bé H1, ông Lê Văn N.

*Tuyên bố hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất (cổ đất) giữa ông Nguyễn Văn M1, bà Nguyễn Thị T với ông Lê Văn M2 và bà Ong Thị H vô hiệu. Ông M1 và bà T giao trả quyền sử dụng đất cho những người thừa kế nêu trên để thực hiện việc phân chia như đã tuyên.

*Giao cho ông Lê Văn M quyền quản lý căn nhà và các cây trồng trên đất. Trong trường hợp phát mãi tài sản như trên thì ông M được hưởng giá trị tài sản được giao này.

2. Đình chỉ yêu cầu độc lập của bà Ong Thị Th về việc yêu cầu các thừa kế của ông Lê Văn M2 phải trả 30 chỉ vàng 24K, loại 98%.

3. Về án phí, lệ phí:

-Ông Lê Văn S phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, khấu trừ số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2012/000495 ngày 20/10/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C, coi như ông S đã nộp xong.

-Ông Lê Văn S, ông Lê Văn M, ông Lê Văn N và bà Lê Thị Bé H1, mỗi người phải nộp 15.714.400 đồng án phí dân sự, thương mại sơ thẩm.

-Bà Ong Thị H phải nộp 15.714.400 đồng án phí dân sự, thương mại sơ thẩm, khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp 3.272.000 đồng đã nộp theo biên lai thu số 008223 ngày 16/3/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, thành phố Cần Thơ, bà H phải nộp thêm số tiền 12.441.800 đồng.

- Bà Ong Thị Th được nhận lại tạm ứng án phí số tiền 2.275.000 đồng, theo biên lai thu số 000184 ngày 07/3/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, thành phố Cần Thơ.

- Bà Ong Thị P được nhận lại tạm ứng án phí số tiền 2.275.000 đồng theo biên lai thu số 000185 ngày 07/3/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, thành phố Cần Thơ.

- Ông Nguyễn Văn M1, bà Nguyễn Thị T được nhận lại tạm ứng án phí số tiền 1.150.000 đồng theo biên lai thu số 000201 ngày 13/3/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, thành phố Cần Thơ.

- Ngân hàng K được nhận lại tạm ứng án phí số tiền 5.750.000 đồng theo biên lai thu số 000279 ngày 10/5/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, thành phố Cần Thơ.

- Chi phí thẩm định, đo đạc và định giá tài sản các thừa kế của ông Lê Văn M2 phải nộp số tiền 3.000.000 đồng. Công nhận bà Ong Thị H tự nguyện chịu số tiền này, bà H đã nộp và chi xong.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND h.C
- VKSND TP.Cần Thơ
- Cục THADS TP.Cần Thơ
- Chi cục THADS h.C
- Dương sự
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Chế Linh

